

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/DS-PT
Ngày 16-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chiến.

Các Thẩm phán: Ông K'Tiêng và bà Bùi Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Óng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2020/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 53/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; địa chỉ: Số 35 HV, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn C; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh Đắk Nông (*theo văn bản ủy quyền ngày 28/10/2016*).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Văn H; chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Đ2 thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh Đắk Nông; địa chỉ: Tổ 02, thị trấn M, huyện Đ2, tỉnh Đắk Nông (*theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2018*) – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh V; địa chỉ: Tổ 06, thị trấn M, huyện Đ2, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị P; địa chỉ: Tổ 06, thị trấn M, huyện Đ2, tỉnh Đắk Nông (*theo văn bản ủy quyền ngày 30/9/2019*) – Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị P; địa chỉ: Tổ 06, thị trấn M, huyện Đ2, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/11/2019 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị P có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (*viết tắt là Ngân hàng*) Chi nhánh Đắk Nông, cụ thể như sau:

Tại Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/9116773/HĐTD ngày 26/10/2016, ông V đã vay tại Ngân hàng A Chi nhánh Đắk Nông - Phòng Giao dịch Đ1 số tiền 1.200.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất 12,5%/ năm, được điều chỉnh vào ngày đầu tiên hàng quý, lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng A Chi nhánh Đắk Nông công bố tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 4,1%/ năm nhưng không thấp hơn lãi suất 12,5%/ năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn trả nợ gốc vào ngày 26/10 hàng năm (*kể từ ngày 26/10/2017*) với số tiền 240.000.000 đồng; trả nợ lãi 02 tháng/lần vào ngày 10 của tháng đến hạn trả lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông V, bà P đã trả được 240.000.000 đồng tiền gốc và 190.316.555 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, đến kỳ trả lãi, ông V, bà P không trả, vi phạm thời hạn trả lãi từ ngày 11/4/2018 và quá hạn trả nợ gốc từ tháng 10/2018 và tháng 10/2019. Dư nợ tính đến ngày 14/7/2020 là: Nợ gốc 960.000.000 đồng; lãi trong hạn 294.183.445 đồng; lãi chậm trả 37.125.000 đồng.

Tại Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/9116773/HĐTD ngày 19/01/2017, ông V tiếp tục vay tại Ngân hàng A Chi nhánh Đắk Nông - Phòng Giao dịch Đ1 số tiền 800.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất 12,5%/ năm, được điều chỉnh vào ngày đầu tiên hàng quý, lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 6 tháng do Ngân hàng A Chi nhánh Đắk Nông công bố tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,2%/ năm nhưng không thấp hơn lãi suất 12,5%/ năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn trả nợ vay như sau: Trả nợ gốc 12 tháng/lần với số tiền 160.000.000 đồng; trả nợ lãi 03 tháng/lần vào ngày 10 của tháng đến hạn trả lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông V, bà P đã trả được 160.000.000 đồng tiền gốc và 123.277.778 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, đến kỳ trả lãi, ông V, bà P không trả, vi phạm thời hạn trả lãi từ ngày 10/7/2018 và quá hạn trả nợ gốc từ tháng 01/2019. Dư nợ tính đến ngày 14/7/2020 là: Nợ gốc 640.000.000 đồng; lãi trong hạn 183.555.555 đồng; lãi chậm trả 19.888.889 đồng.

Tại Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/9116773/HĐTD ngày 26/04/2018, ông V đã vay tại Ngân hàng A Chi nhánh Đắk Nông - Phòng Giao dịch Đ2 số tiền 1.200.000.000 đồng; thời hạn vay 11 tháng; lãi suất 10,5%/ năm, cố định trong 03 tháng đầu, sau đó lãi suất được điều chỉnh vào ngày đầu tiên hàng quý, lãi suất điều chỉnh là lãi suất niêm yết do Ngân hàng A Chi nhánh Đắk Nông thông báo tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi chậm trả tối đa 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm tương ứng với thời gian chậm trả. Thời hạn trả nợ vay như sau: Trả nợ gốc một lần vào cuối kỳ ngày 26/03/2019; trả nợ lãi 03 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đến hạn trả lãi. Quá

trình thực hiện hợp đồng, ông V, bà P chưa trả được khoản nào. Dư nợ tính đến ngày 14/7/2020 là: Nợ gốc 1.200.000.000 đồng; lãi trong hạn 279.616.438 đồng; lãi chậm trả 82.158.904 đồng.

Để đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng nêu trên, ông V, bà P đã thế chấp cho Ngân hàng A các tài sản sau đây:

- Các thửa đất số 03, 05, tờ bản đồ số 96, tọa lạc tại thị trấn M, huyện Đ2, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X do Ủy ban nhân dân huyện Đ2 cấp ngày 29/03/2012 cho ông Vũ Văn Đ và bà Trương Thị Nguyệt N, xác nhận đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị P tại trang số 03 vào ngày 20/10/2016.

- Thửa đất số 125, tờ bản đồ số 81, tọa lạc tại thôn 07, xã N, huyện Đ2, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y do Ủy ban nhân dân huyện Đ2 cấp ngày 28/01/2015 cho ông Lê Văn Ph và bà Nguyễn Thị D, xác nhận đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị P tại trang số 03 vào ngày 13/01/2017.

- Thửa đất số 126, tờ bản đồ số 81, tọa lạc tại bản L, xã N, huyện Đ2, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z do Ủy ban nhân dân huyện Đ2 cấp ngày 08/12/2014 cho ông Lê Văn Ph và bà Nguyễn Thị D, xác nhận đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị P tại trang số 03 vào ngày 13/01/2017.

- Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại tổ 06, thị trấn M, huyện Đ2, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K do Ủy ban nhân dân huyện Đ2 cấp ngày 06/01/2016 cho ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị P.

Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ nhiều lần nhưng không có kết quả, việc ông V, bà P xin kéo dài thời hạn trả nợ và giảm lãi suất là không có căn cứ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông V, bà P phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc là 2.800.000.000 đồng; nợ lãi, lãi phạt theo các hợp đồng tín dụng tính đến ngày 14/7/2020 là 896.528.232 đồng (*gồm 757.355.439 đồng lãi trong hạn và 139.172.793 đồng lãi chậm trả*). Kể từ ngày 15/7/2020, ông V, bà P phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp ông V, bà P không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản hợp pháp khác của ông V, bà P để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày: Ông V, bà P có vay tiền của Ngân hàng A Chi nhánh Đắk Nông theo các hợp đồng tín dụng ngày 26/10/2016; ngày 19/01/2017 và ngày 26/04/2018 với tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.696.528.232 đồng, trong đó tổng nợ gốc là 2.800.000.000 đồng; tổng nợ lãi là 896.528.232 đồng (*gồm 757.355.439 đồng lãi trong hạn và 139.172.793 đồng lãi chậm trả*). Đến thời hạn trả nợ, do điều kiện kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ, giá cả phê và tiêu giảm mạnh, nguyên nhân cũng do khách quan nên ông bà xin Ngân hàng kéo dài thời hạn trả nợ và giảm lãi suất để gia đình có điều kiện trả nợ, cụ thể, ông bà xin được trả tiền lãi

suất chia làm 02 đợt: Đợt 01 thanh toán $\frac{1}{2}$ vào ngày 20/6/2020; đợt 02 thanh toán $\frac{1}{2}$ vào ngày 20/12/2020; đối với tiền gốc, ông bà xin gia hạn và trả như thỏa thuận trong các hợp đồng vay.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2020/DS-ST ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, 319, Điều 323 của Bộ luật Dân sự, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông V, bà P phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc còn dư nợ là 2.800.000.000 đồng; tổng nợ lãi tính đến ngày 14/7/2020 là 896.528.232 đồng (*gồm 757.355.439 đồng lãi trong hạn và 139.172.793 đồng lãi chậm trả*). Kể từ ngày 15/7/2020, ông V, bà P phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp ông V, bà P không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản hợp pháp khác của ông V, bà P để thu hồi nợ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/7/2020, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị nguyên đơn xem xét tạo điều kiện cho bị đơn được gia hạn trả nợ để giảm bớt khó khăn; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DS-ST ngày 12/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông; bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phin nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo bà Nguyễn Thị P, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Trong các ngày 26/10/2016, 19/01/2017 và 26/04/2018, ông Nguyễn Thanh V đã ký các hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng A Chi nhánh Đắk Nông - Phòng Giao dịch Đ1 và Đ2 tổng số tiền 3.200.000.000 đồng, cụ thể: Hợp đồng số: 01/2016/9116773/HĐTD ngày 26/10/2016 vay 1.200.000.000 đồng, lãi suất 12,5%/ năm; Hợp đồng số: 01/2017/9116773/HĐTD ngày 19/01/2017 vay 800.000.000 đồng, lãi suất 12,5%/ năm; Hợp đồng số: 01/2018/9116773/HĐTD ngày 26/04/2018 vay 1.200.000.000 đồng, lãi suất 10,5%/ năm. Tuy người ký tên trong các hợp đồng tín dụng là ông V nhưng ông V và bà P cùng ký tên vào Giấy đề nghị vay vốn; quá trình giải quyết vụ án, bà P thừa nhận cả hai vợ chồng bà cùng vay vốn. Do đó, có căn cứ xác định ông V, bà P đều phải có nghĩa vụ trong các hợp đồng tín dụng nêu trên. Đến thời hạn trả nợ, ông V, bà P mới thanh toán được cho Ngân hàng số tiền cụ thể: 240.000.000 đồng tiền gốc, 190.316.555 đồng tiền lãi trong hạn của Hợp đồng số: 01/2016/9116773/HĐTD ngày 26/10/2016 và 160.000.000 đồng tiền gốc, 123.277.778 đồng tiền lãi trong hạn của Hợp đồng số: 01/2017/9116773/HĐTD ngày 19/01/2017. Đối với số tiền gốc còn lại và lãi trong hạn, lãi quá hạn của cả 03 hợp đồng, mặc dù Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ nhưng ông V, bà P chưa trả là vi phạm nghĩa vụ tại điểm a khoản 1 Điều 9 của các hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông V, bà P phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt là đúng thỏa thuận tại khoản 2 Điều 9 của các hợp đồng tín dụng và đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Về tiền nợ gốc: Tổng số tiền ông V, bà P vay của Ngân hàng theo 03 hợp đồng tín dụng là 3.200.000.000 đồng; ông V, bà P đã trả cho Ngân hàng 400.000.000 đồng; còn nợ 2.800.000.000 đồng. Các đương sự đều thừa nhận điều này nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3]. Về tiền nợ lãi: Căn cứ vào Bảng kê tính lãi do Ngân hàng cung cấp và Tòa án đã kiểm tra, đối chiếu dựa trên mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/7/2020), sau khi trừ đi số tiền lãi đã trả thì ông V, bà P còn nợ Ngân hàng các khoản tiền lãi sau:

- Đối với khoản vay 1.200.000.000 đồng vào ngày 26/10/2016: Tổng nợ lãi là 333.308.445 đồng, gồm 294.183.445 đồng lãi trong hạn và 37.125.000 đồng lãi chậm trả.

- Đối với khoản vay 800.000.000 đồng vào ngày 19/01/2017: Tổng nợ lãi là 203.444.444 đồng, gồm 183.555.555 đồng lãi trong hạn và 19.888.889 đồng lãi chậm trả.

- Đối với khoản vay 1.200.000.000 đồng vào ngày 26/04/2018: Tổng nợ lãi là 361.775.342 đồng, gồm 279.616.438 đồng lãi trong hạn và 82.158.904 đồng lãi chậm trả.

Như vậy, tổng số tiền lãi tính đến ngày 14/7/2020 mà ông V, bà P còn nợ Ngân hàng là 896.528.232 đồng, gồm 757.355.439 đồng lãi trong hạn và 139.172.793 đồng lãi chậm trả.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông V, bà P phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 3.696.528.232 đồng, gồm 2.800.000.000 đồng tiền gốc và 896.528.232 đồng tiền lãi là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.4]. Về xử lý tài sản thế chấp:

[2.4.1]. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng, ông V, bà P đã ký các Hợp đồng thế chấp số: 01/2016/9116773/HĐTC ngày 25/10/2016 và số: 01/2017/9116773/HĐTC ngày 18/01/2017, thế chấp cho Ngân hàng các tài sản sau:

- Thửa đất số 03, 05, tờ bản đồ số 96, tọa lạc tại thị trấn M, huyện Đ2, tỉnh Đắk Nông.

- Thửa đất số 125, tờ bản đồ số 81, tọa lạc tại thôn 07, xã N, huyện Đ2, tỉnh Đắk Nông.

- Thửa đất số 126, tờ bản đồ số 81, tọa lạc tại bản L, xã N, huyện Đ2, tỉnh Đắk Nông.

- Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại tổ 06, thị trấn M, huyện Đ2, tỉnh Đắk Nông.

Xét thấy, ông V, bà P đã dùng quyền sử dụng đất là tài sản của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng và đã đăng ký thế chấp là đúng quy định tại Điều 317 và khoản 4 Điều 323 của Bộ luật Dân sự.

[2.4.2]. Tại khoản 1 Điều 4 của các hợp đồng thế chấp thể hiện:

- Ông V, bà P đồng ý dùng toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng các thửa đất số 03, 05, tờ bản đồ số 96, tọa lạc tại thị trấn M, huyện Đ2, tỉnh Đắk Nông để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của ông V, bà P đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với ông V, bà P trong khoảng thời gian từ ngày 25/10/2016 đến ngày 25/10/2021.

- Ông V, bà P đồng ý dùng toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 125, tờ bản đồ số 81, tọa lạc tại thôn 07, xã N, huyện Đ2, tỉnh Đắk Nông; thửa đất số 126, tờ bản đồ số 81, tọa lạc tại bản L, xã N, huyện Đ2, tỉnh Đắk Nông và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại tổ 06, thị trấn M, huyện Đ2, tỉnh Đắk Nông để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của ông V, bà P đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với ông V, bà P trong khoảng thời gian từ ngày 18/01/2017 đến ngày 18/01/2032.

Do ông V, bà P không thực hiện nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo điểm a khoản 1 Điều 9 của các hợp đồng thế chấp. Tại khoản 2 Điều 299 của Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 11 của các hợp đồng thế chấp quy định nếu tiền xử lý tài sản thế chấp vẫn chưa thanh toán hết nghĩa vụ được bảo đảm thì bên thế chấp phải tiếp tục thanh toán phần nghĩa vụ bảo đảm còn thiếu và bổ sung tài sản để bảo đảm thực hiện phần nghĩa vụ chưa thực hiện.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, tuyên xử nếu ông V, bà P không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ; trường hợp tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản hợp pháp khác của ông V, bà P để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.5]. Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bà P đề nghị giao 03 thửa đất rẫy cho Ngân hàng để xử lý thu hồi nợ, đối với số nợ còn lại đề nghị cho vợ chồng bà được gia hạn trả nợ nhưng người đại diện hợp pháp của Ngân

hàng không đồng ý, bà P cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới bảo vệ cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.6]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.7]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.8]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323 của Bộ luật Dân sự; Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2020/DS-ST ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, buộc ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị P phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền 3.696.528.232đ (*ba tỷ sáu trăm chín mươi sáu triệu năm trăm hai mươi tám nghìn hai trăm ba mươi hai đồng*), trong đó bao gồm 2.800.000.000đ (*hai tỷ tám trăm triệu đồng*) tiền gốc và 896.528.232đ (*tám trăm chín mươi sáu triệu năm trăm hai mươi tám nghìn hai trăm ba mươi hai đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày 15/7/2020, ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì lãi suất mà ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

1.2. Trường hợp ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị P không trả được nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp

đồng thể chấp bắt động sản số: 01/2016/9116773/HĐTC ngày 25/10/2016 và Hợp đồng thể chấp bắt động sản số: 01/2017/9116773/HĐTC ngày 18/01/2017 giữa ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị P với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Chi nhánh Đắk Nông - Phòng Giao dịch Đ1 để thu hồi nợ.

1.3. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền yêu cầu xử lý tài sản hợp pháp khác của ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị P để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị P phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (*ba triệu đồng*).

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị P phải chịu 105.930.564đ (*một trăm lẻ năm triệu chín trăm ba mươi nghìn năm trăm sáu mươi bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 47.481.000đ (*bốn mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi một nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001148 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G (*nay là thành phố G*), tỉnh Đắk Nông.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001829 ngày 29/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ2, tỉnh Đắk Nông.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ2;
- Chi cục THADS thành phố G;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa dân sự; Tổ hành chính tư pháp; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký tên, đóng dấu*)

Nguyễn Xuân Chiến